NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

BÚT ĐÀM CHỮ HÁN GIỮA SỨ THẦN VIỆT NAM VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP BÚT ĐÀM CHỮ HÁN CỦA SỨ THẦN NGUYỄN THUẬT)[1]

NGUYỄN HOÀNG THÂN*

TÓM TẮT: Trong lịch sử trước năm 1945, người Việt Nam khi tiếp xúc và giao lưu với những người thuộc các quốc gia đồng văn như Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản… thường sử dụng chữ Hán để hiểu nhau và đạt được kết quả giao tiếp tốt đẹp. Đó chính là nhờ vào bút đàm chữ Hán. Trước đây, quá trình bút đàm giữa người Việt Nam với những người thuộc các quốc gia khác đã để lại một số văn bản, thư tịch, là kết quả của việc thực hiện bút đàm. Những văn bản bút đàm này là một bộ phận của văn hiến Việt Nam, đồng thời cũng là tư liệu giá trị để nghiên cứu quan hệ quốc tế của Việt Nam trong lịch sử. Loại hình bút đàm chữ Hán giữa người Việt Nam với người nước ngoài tương đối đa dạng. Bài báo này nghiên cứu trường hợp bút đàm chữ Hán của sứ thần Việt Nam, cụ thể là sứ thần Nguyễn Thuật với người nước ngoài. Bài báo tập trung bàn về: (1) Khái quát lí luận bút đàm; (2) Đặc điểm bút đàm của sứ thần Nguyễn Thuật với người nước ngoài. Kết quả bài báo cho thấy nét độc đáo của một loại hình giao tiếp quốc tế của Việt Nam và giá trị tư liệu quý báu của những văn bản, thư tịch bút đàm.

TỪ KHÓA: bút đàm; chữ Hán; giao tiếp quốc tế; sứ thần Việt Nam; Hà Đình Nguyễn Thuật; Vãng Tân nhật kí.

NHẬN BÀI: 26/10/2022. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/12/2022

1. Khái quát bút đàm chữ Hán

1.1. Khái niệm và loại hình bút đàm chữ Hán

Về khái niệm bút đàm, Từ điển *Từ Hải* đã chỉ ra "bút đàm" có 2 nghĩa: (1) một loại trước tác của bút kí, như tác phẩm *Mộng Khê bút đàm* của Thẩm Quát; (2) dùng chữ viết thay cho lời nói để phát biểu ý kiến. *Từ điển tiếng Việt* giải thích từ "bút đàm" là "trao đổi ý kiến với nhau bằng cách viết chữ khi không thể nói cho nhau nghe hiểu được". *Từ điển tiếng Việt* còn đưa ra 02 ví dụ: (1) *Bút đàm với người điếc*. (2) *Dùng chữ Hán bút đàm với một người Trung Quốc*.

Trong bài viết *Loại hình thư tịch bút đàm*, Vương Dũng 王勇 liệt kê ra các loại bút đàm: (1) "bút đàm" kiểu bút kí; (2) "bút đàm" kiểu tản văn; (3) "bút đàm" kiểu thư tín; (4) "bút đàm" kiểu bí mật; (5) "bút đàm" kiểu khuyết tật; (6) "bút đàm" kiểu phương ngữ; (7) "bút đàm" kiểu Chu Tác Nhân[1] (tên một học giả Trung Quốc); (8) "bút đàm" kiểu đa ngữ (tr.3-11). Trong đó, nội dung giải thích "bút đàm" kiểu phương ngữ và "bút đàm" kiểu Chu Tác Nhân cơ bản giống nhau, tức do hạn chế của phương ngữ dẫn đến việc không nhận ra chính xác ngữ âm nên phải dùng "bút đàm" để thông hiểu.

Tác giả Vương Dũng chỉ liệt kê các loại bút đàm như trên nhưng chưa chỉ rõ loại hình nào mới đúng theo đối tượng nghiên cứu của bút đàm. Đồng thời, cách giải thích của *Từ điển tiếng Việt* cũng chưa thật cụ thể, chưa đầy đủ, tức có thể hiểu bút đàm sử dụng theo dạng "bút đàm" kiểu thư tín, những người tham gia "bút đàm" không cùng trực tiếp tại một địa điểm, thời gian giao tiếp. Do vậy, theo quan điểm chúng tôi, bút đàm chính là loại hình giao tiếp trực tiếp của các đối tượng tham gia giao tiếp nhưng do hạn chế về yếu tố phương ngữ hay đa ngữ mà phải sử dụng một loại văn tự thống nhất để thông hiểu.

Lý Khánh 李庆 trong bài viết *Kiến giải bút đàm chữ Hán*, đã kiến giải tương đối chi tiết nội dung của bút đàm chữ Hán (tr.12-18):

Trước hết, tác giả giới định "bút đàm", phân biệt các nội dung bút đàm và đối thoại (bút đàm là một hình thức đối thoại nhưng không có âm thanh), bút đàm và phiên dịch (bút đàm là người tham

* *TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: nhthan@ued.udn.vn*

gia bút đàm tự phiên dịch trực tiếp suy nghĩ của mình thành chữ Hán để biểu đạt, không thông qua người thứ 3; phiên dịch thì có người thứ 3), bút đàm và đàm thoại, bút đàm và thư tín.

Thứ hai, yếu tố hình thành bút đàm chữ Hán bao gồm yếu tố nội tại (đặc điểm dùng hình chữ để biểu đạt thông tin, nghe có thể chưa phân biệt rõ nghĩa, nhưng nhìn mặt chữ sẽ tri nhận ngay nghĩa của chữ Hán) và yếu tố ngoại tại (các nước cùng sử dụng chữ Hán nhưng có cách đọc khác nhau nên cần dùng mặt chữ để giao tiếp).

Thứ ba, bút đàm chữ Hán có những đặc điểm: tính đa dạng nội dung (bằng chứng là để lại nhiều thư tịch văn hiến từ bút đàm); tính giản yếu biểu đạt (vì bút đàm sử dụng viết, tốn thời gian nên cần rút gọn câu chữ, như một từ khóa); tính trực tiếp giao lưu; tính duy nhất tồn tại (tờ giấy sử dụng bút đàm giữa những người tham gia bút đàm chỉ có một).

1.2. Sơ lược tình hình nghiên cứu bút đàm

Nghiên cứu tư liệu bút đàm chữ Hán sớm nhất ở Đông Á là Nhật Bản, gắn với nhà nghiên cứu Matsuura Akira (松浦章) khi ông công bố những kết quả nghiên cứu vào thập niên 80 của thế kỉ XX. Ông đã viết nhiều bài nghiên cứu dựa trên sự phân tích tư liệu lịch sử những thuyền nạn Trung Hoa bị trôi dạt đến Nhật Bản. Cơ quan xuất bản đại học Kansai cũng đã tích cực xuất bản tập san "Tuyển tập tư liệu thuyền nạn Trung Hoa thời kì Edo" (江户时代漂着唐船资料集刊). Công trình này không chỉ tập hợp ảnh ấn (bản chụp) văn bản gốc mà còn đưa ra nhiều kiến giải. Các quốc gia Đông Á khác như Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc nghiên cứu bút đàm chữ Hán muộn hơn, bắt đầu từ thế kỉ XXI. Có thể dẫn ra một số nhà nghiên cứu và công trình nghiên cứu như:

Trương Ứng Bân (张应斌 Zhang Yingbin) đã mô tả các cuộc trao đổi bằng bút đàm giữa Hoàng Tuân Hiến (黄遵宪 Huang Zunxian) với các văn nhân Trung Quốc và Nhật Bản (2004); Trương Chân Hoảng (张真熀 Zhang Zhenhuang), Hứa Kính Chấn (许敬震 Xu Jingzhen) khảo sát tác phẩm *Tọa gian bút ngữ* (2009); Trí Hiền (智贤 Zhi Xian) nghiên cứu việc trao đổi sách vở của các sứ giả Triều Tiên thế kỉ XVII (2011); nhóm tác giả Vu Hướng Đông (于向东 Yu Xiangdong), Lương Mậu Hoa (梁茂华 Liang Maohua) (2013) và nhóm tác giả Nguyễn Hoàng Thân, Nguyễn Tuấn Cường (2017) tập trung nghiên cứu giao lưu bút đàm giữa Việt Nam và Trung Quốc. Năm 2015, Vương Dũng (王勇 Wang Yong), Tạ Vịnh (谢咏 Xie Yong) đã xuất bản tập chuyên luận về nghiên cứu bút đàm.

Học giả phương Tây nghiên cứu rất ít về tư liệu bút đàm. Sớm nhất là nhà nghiên cứu Marr (1971), DeFrancis (1977) sử dụng tư liệu bút đàm để nghiên cứu lịch sử Việt Nam trong thời kì thuộc địa thực dân. Từ 10 năm trước mới xuất hiện một số công trình nghiên cứu về bút đàm, như Keaveney (2009) khảo sát việc sử dụng bút đàm chữ Hán để giao lưu giữa người Trung Quốc và người Nhật Bản; Denecke (2014) nghiên cứu tác dụng của bút đàm chữ Hán từ góc nhìn phiên dịch; Clements (2019) nghiên cứu vai trò của bút đàm chữ Hán trong lịch sử ngoại giao giữa Nhật Bản và Triều Tiên.

Như vậy, bút đàm chữ Hán Đông Á đang trở thành một chuyên ngành nghiên cứu sâu trong vòng vài năm trở lại đây. Thế giới đã thực hiện nghiên cứu bút đàm Trung-Nhật, bút đàm Trung-Triều, bút đàm Nhật-Triều. Nhưng hoàn toàn vắng bóng nghiên cứu bút đàm Việt-Trung, bút đàm Việt-Nhật, bút đàm Việt-Triều. Chúng tôi, từ năm 2017, đã tiến hành nghiên cứu tổng quát bút đàm chữ Hán Việt Nam với các nước có sử dụng chữ Hán (Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Anh…), chưa đi sâu vào các chuyên đề riêng biệt bút đàm Việt Nam với từng quốc gia. Đây là công việc tiếp tục trong tương lai khi "đào bới" được tư liệu thư tịch bút đàm.

2. Đặc điểm bút đàm chữ Hán giữa sứ thần Nguyễn Thuật với người nước ngoài

2.1. Ngữ liệu bút đàm chữ Hán của Nguyễn Thuật với người nước ngoài

Tháng 4 năm 1882, quân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ 2, thành Hà Nội thất thủ. Trước tình hình như vậy, vào tháng 12 năm 1882, vua Tự Đức đã cử sứ đoàn sang cầu viện nhà Thanh Trung Quốc. Sử chép rằng:

"Sai Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật sung chức Khâm sai đại thần; Thị lang gia hàm Tham tri Nguyễn Thuật làm Phó, đi sang Thiên Tân nước Thanh làm việc công; Biện lí bộ Hộ là Nguyễn Phiên sung chức Khâm phái đóng ở Quảng Đông để đệ tin báo. Từ khi Hà Nội có việc ta đã đưa thư cho Tổng đốc Quảng Đông là Dụ Khoan, Tăng Quốc Thuyên nhờ liệu định cho thoả đáng. Đến nay, Tổng đốc họ Tăng uỷ cục Chiêu thương là Đường Đình Canh, tỉnh thuộc là bọn Mã Phục Đôn, Chu Bỉnh Lân cùng với phái viên Yên Kinh là Đường Cảnh Tùng (Chủ sự, Tiến sĩ xuất thân, phụng mật Chỉ đến nước ta dò xét) đến hỏi hiện tình và bàn việc nên làm. (Có câu nói rằng: Dùng sức mà đánh chưa thấy thừa sức, lấy lí mà biện bác hoặc có thể giải được). Đã phái Nguyễn Thuật sang làm Khâm sai cùng đi với quan nước Thanh đến trình Tổng đốc Quảng Đông nhờ chuyển lên giúp. Bỗng tiếp được điện tín của Lí Hồng Chương mời đại thần nước ta độ 2 - 3 người đến Thiên Tân để hỏi han và bàn việc đối phó với nước Pháp. Vua bèn sai bọn Thận Duật đem quốc thư đi"[2].

Ngày 23/11/1883, sứ đoàn của Phạm Thận Duật và Nguyễn Thuật trở về nước.

Trong hành trình này, sứ đoàn của Phạm Thận Duật và Nguyễn Thuật có tác phẩm 建福元年如清日程 *Kiến Phúc nguyên niên như Thanh nhật trình* (kí hiệu A.929, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm). Ngoài ra, sứ thần Nguyễn Thuật đã viết riêng tác phẩm 往津日记 *Vãng Tân nhật kí* (Nguyễn Thuật soạn, Trần Kinh Hòa biên chú, 1980. *Vãng Tân nhật kí,* NXB. Đại học Trung văn, Hồng Kông[3]). Hai tác phẩm này cơ bản đại đồng tiểu dị. Nội dung của 2 tác phẩm có nhiều tư liệu về bút đàm chữ Hán của sứ đoàn Nguyễn Thuật với người nước ngoài. Đây là ngữ liệu dùng để nghiên cứu về bút đàm chữ Hán giữa Việt Nam và nước ngoài.

2.2. Hoạt động giao tiếp của (sứ đoàn) Nguyễn Thuật

Trong thời gian gần tròn một năm (1882-1883) hành trình đi sứ Trung Quốc, sứ thần Nguyễn Thuật đã có nhiều lượt giao tiếp với người nước ngoài bằng phương thức thông ngôn hoặc bút đàm. Nội dung cụ thể như bảng sau:

Hoạt động giao tiếp của (sứ đoàn) Nguyễn Thuật	**Số lượt**
Tổng số lượt giao tiếp của (sứ đoàn) Nguyễn Thuật với người nước ngoài	92
Số lượt giao tiếp của (sứ đoàn) Nguyễn Thuật với người nước nước ngoài bằng phương thức bút đàm	40
Số lượt giao tiếp của (sứ đoàn) Nguyễn Thuật với người nước nước ngoài bằng phương thức thông ngôn (phiên dịch)	9
Số lượt giao tiếp của (sứ đoàn) Nguyễn Thuật với người nước ngoài chưa rõ bằng phương thức cụ thể nào	53

Theo ghi chép của Nguyễn Thuật trong *Vãng Tân nhật kí* và bảng thống kê trên, có thể thấy hoạt động khẩu đàm (khẩu dịch, thông sự) của sứ đoàn Việt Nam với các nhà chức trách Trung Quốc nói riêng và người nước ngoài tại Thiên Tân nói chung dường như ít hơn so với bút đàm. Đó là vì hoạt động bút đàm vừa chủ động vừa chính xác hơn nhiều so với sử dụng phiên dịch, ngoài ra có một số nội dung công việc trao đổi riêng thì không cần đến phiên dịch.

2.3. Đối tượng bút đàm của Nguyễn Thuật

(i) Phân loại theo "quốc tịch" (các nước phương Đông, phương Tây)

Đối tượng bút đàm của Nguyễn Thuật chủ yếu thuộc về các quốc gia đồng văn như Trung Quốc, và Nhật Bản. Đặc biệt, Nguyễn Thuật cũng đã bút đàm chữ Hán với một người phương Tây, cụ thể là người Anh, có tên là Mạch Sĩ Ni Vi Năng (William Mesny, 1842-1919, người Anh, Phó tướng nha cho Trung Quốc).

(ii) Phân loại theo "nhân sự" (quan, sĩ, tăng, thương, dân)

Phần lớn sự giao tiếp của Nguyễn Thuật với người nước ngoài chủ yếu là ngoại giao hành chính giữa Việt Nam và Trung Quốc. Do vậy đối tượng bút đàm trong trường hợp này toàn bộ là triều thần quan lại. Sứ thần Nguyễn Thuật đã bút đàm với các quan Trung Quốc như Đường Đạo Viên (quản lí

chi nhánh Chiêu Thương Cục ở Việt Nam), Mã Phục Bí (quan Đại sứ quán), Khổng Khánh Ngọc (giữ chức Luyện quân hậu dinh quản đới Thiên Tân), Thái Giản Lương (Hậu bổ Tri huyện tỉnh Quảng Đông), hay quan của Nhật Bản như Tăng Căn Tuấn Hổ (Đại úy hải quân), Mạch Sĩ Ni Vi Năng (người Anh, Phó tướng nha cho Trung Quốc), Thẩm Xuân Huy (Tri huyện Tân An), Trần Điếu Bình (Hậu bổ Tri phủ), Trương Bảo Liêm (sai quan sứ quán), Đường Cảnh Tòng (Sứ bộ chủ sự), Bùi Mẫn Trung (Hậu bổ Tri huyện, Lương y),…

Đối tượng bút đàm mà Nguyễn Thuật giao tiếp trực diện là kẻ sĩ, trí thức có thể kể đến Vương Thao là chủ bút *Nhật báo Tuần hoàn*. Về đối tượng tăng sĩ, Nguyễn Thuật tiến hành bút đàm với các vị Sa môn của Nhật Bản tại đất Trung Quốc như trong *Vãng Tân nhật kí* của Nguyễn Thuật có ghi chép: "Ba vị này đều cạo tóc khoác áo cà sa, giống tăng nhân nước ta. Trước kia họ tới Trung Quốc học đạo Thiền, nghe nước ta cũng học chữ Hán cho nên họ đến bút đàm" [1, tr.680].

2.4. Nội dung bút đàm của Nguyễn Thuật với người nước ngoài

2.4.1. Công việc bang giao triều chính, quốc gia chính sự

Vì là chuyến đi sứ, nên phần lớn hoạt động giao tiếp của Nguyễn Thuật với người nước ngoài đều tập trung vào công việc bang giao triều chính, quốc gia chính sự. Theo đó, hầu hết mọi vấn đề cần trao đổi, đều được Nguyễn Thuật bút đàm với Mã Đại sứ, sau đó Mã Đại sứ trình lên Lý Trung Đường, Lý Trung Đường truyền ý kiến xuống, Mã Đại sứ lại bút đàm báo với Nguyễn Thuật. Nguyễn Thuật và Mã Đại sứ (hoặc có Mã Đại sứ tham gia) bút đàm tổng cộng có ít nhất 22 lượt. Nội dung chủ yếu xoay quanh những vấn đề trọng đại, "mật sự". Những thông tin chính sự từ các lượt bút đàm này thường là: Tổng sự nha hỏi nước ta có thể lập thương ước thông thương với ngoại quốc hay không; Lý Trung Đường hỏi xét các mật sự với nhiều chi tiết; Đại sứ Pháp là Đức Lý Cổ Tổng lãnh sự nói sự việc ở nước ta; Lý Trung Đường cho phép phái đoàn của Nguyễn Thuật về lại nước.

2.4.2. Trao đổi tri thức

Trong chuyến đi sứ Thiên Tân, Nguyễn Thuật mở rộng kiến văn là nhờ thông qua bút đàm với những người sở tại.

Bút đàm với sai quan sứ quán Thiên Tân Trương Bảo Liêm, Nguyễn Thuật biết được tri thức về Bảo giáp cục: *"Trung Quốc có Bảo giáp cục, 10 nhà là một bài. Người tra bài (xét thẻ) không kể tuổi nào đều phải ghi tên họ, nam bao nhiêu khẩu, nữ bao nhiêu khẩu, cũng không tránh khỏi không rõ ràng"* (tr.696).

Bút đàm với Sứ bộ chủ sự Đường Cảnh Tòng, Nguyễn Thuật biết được tri thức về đạo Thiên chúa ở Trung Quốc: *"Yên kinh trong cửa Tuyên Võ có nhà thờ, trên cửa khắc chữ to là Sắc cất Thiên chúa giáo đường. Nhà thờ được xây cất từ đời Minh. Lúc đó Lợi Mã Đậu (Matteo Ricci) tới Trung Quốc. Ông ta giỏi về lịch toán học. Trung Quốc cũng dùng phép đó, ra lịnh cho triều thần lui tới giảng luận toán học. Vì thế hứa cho xây nhà thờ này. Về sau đạo Tây phương cũng thường ở đây lưu dài truyền giáo, nhưng tín đồ vắng ngắt hết cỡ"* (tr.698).

Sự nhận thức của Nguyễn Thuật về trà Vũ Di cũng như trà Trung Quốc nói chung hay nhân sâm cũng từ bút đàm của Hậu bổ Tri phủ Trần Điếu Bình và Hậu bổ tri huyện Bùi Mẫn Trung: *"Trà Vũ Di sản xuất ở tỉnh Phước Kiến, cũng là sản vật miền núi. Gọi Vũ Di, loại này thật thì trồng nếu lấy hương vị thơm ngon thuần thì trà Bổn Sơn ở Chiết Giang là hơn hết, nhưng hiện rất ít nghe. Giáp ranh Giang Chiết có Động Nam Bắc, hai Đình Sơn cũng sản xuất trà (hai sơn này vẫn thuộc hạt Giang Tô) vị rất ngon", "Quan Đông có núi bao bọc vài ngàn dặm không có dân ở, nơi ấy chỉ sản xuất nhân sâm, mỗi năm nộp cho vua bao nhiêu, còn lại thì đem bán tất, nhưng thực tế không dám nộp nhiều, vì sợ năm không trồng được thì bị trị tội. Sâm Cao Lệ là nước đó sản xuất. Lão sơn sâm sản xuất ở Thịnh Kinh. Thổ mộc sâm sản xuất ở Cát Lâm"* (tr.699).

2.4.3. Văn chương xướng họa

Nguyễn Thuật trong 2 lần đi sứ Trung Quốc đã xướng họa với nhiều văn nhân và quan viên ở Trung Quốc, được chép trong 2 tập thơ *Mỗi hoài ngâm thảo I* và *Mỗi hoài ngâm thảo* 2. Có thể dẫn đôi bài:

Bài *Họa vận phiến tặng Tử Hoành bổ* (Họa vận đề cây quạt tặng Hậu bổ Tử Hoành):

"*Hàn mặc tương tri cánh vong hình/ Dương xuân khúc hướng nguyệt trung hình/ Minh ba bất trứ thần Di đạm/ Trần khí đô tiêu ba tự linh/ Vũ tuyết tình châu phong tắc xích/ Phong lưu mông hệ liễu đình thanh/ Danh bang cửu đạm Đông Nam mĩ/ An đắc du biên Bạch hạ kinh"*

(Tình thi phú quen nhau quên hình hài/ Khúc hát mùa xuân ấm áp như [nghe] trong ánh trăng vọng lại/ Bài minh sáng rỡ không dính vào thần thêm lợt lạt/ Lòng trần lắng xuống, bút tự linh thiêng/ Gió mưa sấm nổ, tình trải với cây phong đầy lá đỏ/ Mộng phong lưu buộc mãi với liễu xanh bên bình/ Tên nước bấy lâu nổi tiếng tốt ở Đông Nam/ Sao có xe nhẹ đi qua sự tầm thường?" (tr.103).

Bài *Thứ vận thù Toàn Châu Tri châu Trương Thụy Trị* (Đáp lại Trương Thụy Trị, Tri châu Toàn Châu):

"*Du hoạn lịch Tiêu Tương/ Tinh sa cận cố hương/ Nữu nữu lai Lan phố/ Bội thê tựu Quế Lâm/ Hương nhã sự thôi tôn/ Địch hùng văn quý tử/ Duy châu yên các văn/ Cầm vận thính du dương"*

(Nhà quan đi chơi qua sông Tiêu Tương/ Tinh Sa gần quê cũ/ Chầm chậm đến bến Lan/ Nghỉ ngơi đi tới Quế Lâm/ Việc tốt đẹp hãy thúc đẩy cháu con/ Thăm bực văn hùng tráng thẹn cho con mình/ Buộc thuyền mãi trên khói, các buổi chiều/ Nghe tiếng đàn du dương" (tr.269).

3. Kết luận

Bút đàm chữ Hán là một phương thức giao tiếp của người Việt Nam với các nước Đông Á, kể cả người phương Tây biết chữ Hán trong lịch sử, bởi nó khắc phục được hạn chế của ngôn ngữ "*Cộng dục hàm bôi chung nhật ngữ/ Khước sầu nam bắc bất đồng âm*" (Cùng muốn nâng chén nói chuyện suốt ngày/ Hiềm nỗi nam bắc chẳng cùng tiếng - Nguyễn Trung Ngạn) mà phải thực hiện "*Vấn đáp tu bằng bút/ Ngôn đàm tại thử thư*" (Hỏi đáp đều bằng bút/ Nói chuyện tại trang giấy - 得泰船筆 *Đắc Thái thuyền bút ngữ*) và vẫn đạt được hiệu quả cao giao tiếp "*Thiệt tòng bút thổ, tình như họa*" (Lời nói theo ngọn bút mà tuôn ra, tình như tranh vẽ - Lý Văn Phức). Bút đàm chữ Hán của Nguyễn Thuật với nước ngoài với nhiều đối tượng (quan, sĩ, tăng, thương, dân), với nhiều chủ đề nội dung khác nhau (bang giao triều chính, quốc gia chính sự, trao đổi tri thức, công việc xã giao hằng ngày, văn chương xướng họa). Tác phẩm bút đàm chữ Hán giữa sứ thần Nguyễn Thuật với người các quốc gia khác là một bộ phận của văn hiến Việt Nam. Những tác phẩm bút đàm còn lưu lại có giá trị ở nhiều phương diện: giá trị sử liệu, giá trị văn học, giá trị tư tưởng.

[1] *Bài viết này được hoàn thành từ kinh phí đề tài cấp cơ sở, mã số T2022-TN-14. Tác giả xin cảm ơn Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã cấp kinh phí thực hiện đề tài.*

Chú thích:

[1] Chu Tác Nhân nhận định rằng người Trung Quốc trong cùng một nước không nghe hiểu tiếng nói của nhà văn nhưng lại có thể thông hiểu văn bản của nhà văn.

[2] *Đại Nam thực lục*, đệ tứ kỉ, quyển LXVIII (bản dịch *Đại Nam thực lục*, tập 8, Nxb Giáo dục, 2007, tr.551).

[3] Xem thêm Nguyễn Hoàng Thân (2020), "Thơ văn người Quảng in ở nước ngoài",Báo Quảng Nam cuối tuần, số ra ngày 28-29/3/2020, https://baoquangnam.vn/van-hoa-van-nghe/tho-van-chu-han-nguoi-quang-in-o-nuoc-ngoai-86111.html

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Thắng (2005), *Hà Đình Nguyễn Thuật tác phẩm*, Nxb Tổng hợp tp HCM
2. Nguyễn Hoàng Thân - Nguyễn Tuấn Cường - Phạm Thị Tú Trinh (2018), *"Bút đàm chữ Hán - một phương thức giao tiếp quốc tế của người Quảng Nam trong lịch sử (qua khảo sát tư liệu du kí Đông Á liên quan đến Quảng Nam)"* trong "Kỉ yếu hội thảo quốc tế ngôn ngữ học" do Viện Ngôn ngữ - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam và Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng đồng tổ chức 12/2018.

3. Nguyễn Hoàng-Thân, Nguyễn Tuấn-Cường (2020), *Sinitic Brushtalk in Vietnam's Anti-Colonial Struggle against France: Phan Bội Châu's Silent Conversations with Influential Chinese and Japanese Leaders in the 1900s.* China and Asia 2 (2020) 270-293.
4. 阮黄申，阮俊强. 越南与诸国的汉字笔谈概论. 何珍华，阮俊强主编. 越南汉喃文献与东亚汉字整理研究. 北京： 社会科学文献出版社，2019： 101-117. (Nguyễn Hoàng Thân - Nguyễn Tuấn Cường, 2017, "Khái thuật bút đàm chữ Hán giữa Việt Nam với các nước", trong Hội thảo Khoa học Quốc tế "*Văn minh Đông Á - truyền thừa và sáng tân"* do Đại học Chiết Giang tổ chức, 11/2017).
5. 黄得森 李楚成（2021）汉文笔谈, 辞书研究，2021 年 1 期 (04/02/2021) (Hoàng Đắc Sâm, Lý Sở Thành, 2021, "Bút đàm chữ Hán" . *Từ thư nghiên cứu*, số 1 năm 2021).
6. 王勇主编谢咏副主编（2015）东亚的笔谈研究. 浙江工商大学出版社 (Vương Dũng chủ biên, Tạ Vịnh phó chủ biên, 2015, *Nghiên cứu bút đàm Đông Á*, Nxb Đại học Công thương Chiết Giang, Trung Quốc).
7. 建福元年如清日程 (Phúc Kiến nguyên niên như Thanh nhật trình), kí hiệu A.929, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
8. 往津日记 (Vãng Tân nhật kí), 陈荆和编注. 香港: 中文大学出版社（1980）ISBN 962-201-215-9 (Trần Kinh Hòa biên chú, 1980, Nxb Đại học Trung văn, Hồng Kông).

Sinitic brusktalk between envoy Nguyen and foreigners
(case study of sinitic brusktalk between Nguyen Thuat and foreigners)

Abstract: In the history before 1945, when interacting and exchanging with people from the countries having the same language such as China, Korea, Japan... Vietnamese people often used Chinese characters for the good understanding and communication results. That is Chinese character Brusktalk (Sinitic Brushtalk). In the past, the process of Sinitic Brusktalk between the Vietnamese and the people from other countries left a number of documents and bibliographies which are the result of the practice of Sinitic Brusktalk. Those are a part of Vietnamese civilization and are also valuable documents for studying Vietnam's international relations in the history. The types of Sinitic Brusktalk between the Vietnamese and foreigners are relatively diverse. This article studies the case of the Sinitic Brusktalk between the Vietnamese envoy, specifically Envoy Nguyen Thuat, and foreigners. The article focuses on: (1) Overview of the Brusktall theory; (2) Characteristics of Sinitic Brusktalk between Envoy Nguyen and foreigners. The results of the article show the unique features of a type of international communication in Vietnam and the precious documentary value of Sinitic Brusktalk documents and bibliographies.

Key words: Brusktalk; Chinese character; Sinitic brusktalk; international communication; Vietnam envoy; Ha Dinh Nguyen Thuat; Vang Tan nhat ki (A Diary of the Journey to Tianjin).